

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1076 /2019/ DS -
PT

Ngày: 22-11-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trường Sanh

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Trần Thị Thủy

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy- Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394 /2019/TLPT-DS ngày 16/8/2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 251/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4367/2019/QĐPT-DS ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8757/2019/QĐPT-DS ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn N. sinh năm 1949

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: 1031 B, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1953
(có mặt)

Địa chỉ: 250A G, Phường M, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1961

Địa chỉ: 321 O, Phường A, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954

Địa chỉ: 321 O, Phường A, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai H và ông Nguyễn Văn V: Bà Nguyễn Hà Bảo C (có mặt)

Địa chỉ: 321 O, Phường A, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2017, nguyên đơn và ông Lê Xuân L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 10/2013 do có quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P có cho bà Nguyễn Thị Mai H vay 20 lượng vàng SJC để kinh doanh. Cuối năm 2016, bà Nguyễn Thị Mai H trả được 01 lượng vàng SJC, còn lại 19 lượng vàng SJC. Từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn N nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai H trả tiếp 19 lượng vàng SJC nhưng bà Nguyễn Thị Mai H vẫn không trả. Tháng 6/2017, nguyên đơn làm đơn gửi Ủy ban nhân dân Phường A, quận I nhờ giải quyết nhưng không có kết quả; do đó bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P 19 lượng vàng SJC tương đương số tiền 687.800.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ liên quan bao gồm: giấy nhận vay 20 lượng vàng SJC, giấy đã trả 01 lượng vàng SJC, bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn, giấy ủy quyền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Theo như đơn kiện, bà Nguyễn Thị Mai H không xác định đúng hay sai. Thời gian vừa qua bà Nguyễn Thị Mai H làm ăn thất bại và gia đình bà Nguyễn Thị Mai H xảy ra nhiều khó khăn, tinh thần bà Nguyễn Thị Mai H không ổn định nên bà Nguyễn Thị Mai H cần xem xét lại số nợ để trình lên Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Văn V không biết và cũng không có mượn tiền bạc gì của bà Nguyễn Thị P. Mọi việc giữa vợ ông là bà Nguyễn Thị Mai H và bà Nguyễn Thị P có cho mượn tiền thì ông Nguyễn Văn V không biết nên ông Nguyễn Văn V không chịu trách nhiệm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 251/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 281, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải trả 19 cây vàng SJC tương đương số tiền 741.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/06/2017 đến 28/06/2019 là 148.200.000 đồng; tổng cộng là 889.200.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử về phần án phí, lãi suất và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2019 ông Lê Xuân L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo với lý do: Đề nghị xét xử lại vụ án, chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng đã vay là 19 lượng vàng SJC và lãi suất theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn có ông Lê Xuân L đại diện theo ủy quyền, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 19 lượng vàng SJC. Riêng đối với yêu cầu về tiền lãi suất thì ông Lê Xuân L xin được rút yêu cầu khởi kiện và rút kháng cáo đối với số tiền này.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V có đại diện là bà Nguyễn Hà Bảo C trình bày bà Nguyễn Hà Bảo C không biết có việc vay tiền hay không giữa mẹ bà là bà Nguyễn Thị Mai H với các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định chữ ký trong giấy nhận vay vàng và giấy trả vàng không phải là chữ ký của bà Nguyễn Thị Mai H nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa hôm nay. Đối với các đương sự đã được đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là chưa có cơ sở, bởi lẽ tại kết luận giám định số 2346/ C09B ngày 17/8/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định chữ viết trong giấy nhận vay vàng và giấy trả vàng là của phía bị đơn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất, hòa giải, xét xử nhưng bà Nguyễn Thị Mai H đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và

kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng là 19 lượng vàng SJC tại thời điểm xét xử sơ thẩm tương đương 741.000.000 đồng. Riêng đối với phần yêu cầu tính lãi suất, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin được rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với phần này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu tính lãi suất của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại Giấy nhận vay 20 lượng vàng SJC: Có ghi: “ 8+9+10/2013”, ký tên và ghi “em có mượn anh chị N (20 cây SJC)” và giấy trả 01 lượng vàng SJC: Có ghi “ Trả 01 cây còn 19 cây” và ký tên.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các chứng cứ trên không thể hiện rõ nhân thân của cả hai bên trong quan hệ hợp đồng vay tài sản này, cả bên cho vay, bên vay và thời hạn thanh toán, đồng thời tại kết luận giám định số 2346/C09B ngày 17/8/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “Ở mục 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Mai H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là có phải do cùng một người ký ra hay không?”. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ này để tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, cũng tại bản kết luận giám định số 2346/C09B ngày 17/8/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận ở mục 1. Chữ viết có nội dung “ ... em có mượn của anh chị n (20 cây SJC) hai mươi cây” trang số 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, chữ viết có nội dung “Trả: 1 cây còn 19 cây” trang số 9 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Mai H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người viết ra. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 15/01/2018 của bà Nguyễn Thị Mai H cho rằng bà Nguyễn Thị Mai H không xác định đúng hay sai. Bà Nguyễn Thị Mai H cũng không phủ nhận việc có vay vàng của phía nguyên đơn hay không? Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mai H cũng không tham gia đối chất, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm để làm rõ có việc vay vàng hay không? Vì sao bà Nguyễn Thị Mai H lại ghi nợ và đã trả nợ, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số vàng là 19 lượng vàng SJC tại thời điểm xét xử sơ thẩm tương đương số tiền 741.000.000 đồng.

[2] Đối với yêu cầu xem xét lãi suất của 19 lượng vàng từ phía nguyên đơn từ ngày 08/06/2017 đến ngày 28/6/2019 là 148.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với phần lãi suất của 19 lượng vàng SJC. Xét việc rút yêu cầu này của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 217, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất thì nguyên đơn đã rút yêu cầu này nhưng vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần này, phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận .

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 19 lượng vàng SJC quy đổi ra tiền đồng việt nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Như phân tích trên, xét đề nghị này là có căn cứ nên chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 281; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu-nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 251/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận I, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P 19 lượng vàng SJC tương đương số tiền 741.000.000 (bảy trăm bốn mươi một triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải trả tiền lãi suất tính từ ngày 08/6/2017 đến ngày 28/6/2019 là 148.200.000 (một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định

tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền nợ gốc chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu 33.640.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) đồng. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P phải chịu là 7.410.000 (bảy triệu bốn trăm mười ngàn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 15.756.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0006536 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P số tiền là 8.346.000 (tám triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P không phải chịu. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0038776 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS quận I;
- TAND quận I;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trường Sanh